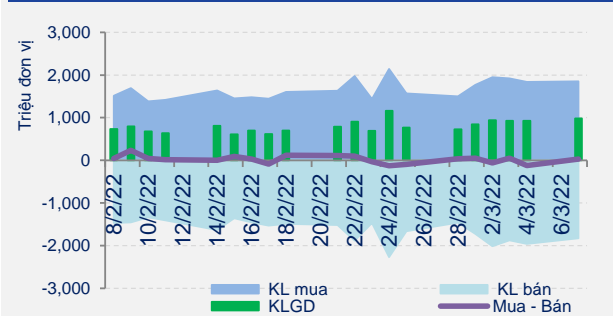
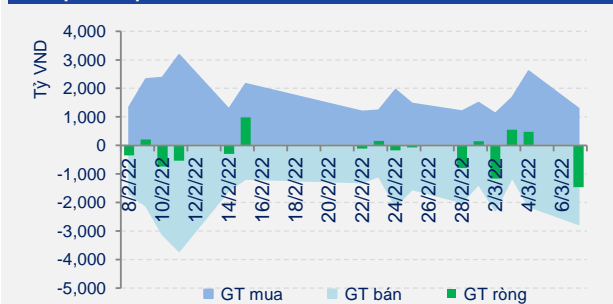


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 7/3/2022

| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,499.05 | 452.86 |
| % Thay đổi | ↓ -0.42% | ↑ 0.50% |
| KLGD (CP) | 981,720,621 | 141,435,950 |
| GTGD (tỷ đồng) | 31,436.90 | 3,784.32 |
| Tổng cung (CP) | 1,823,126,500 | 190,067,100 |
| Tổng cầu (CP) | 1,853,654,300 | 181,091,400 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 68,576,100 | 1,027,000 |
| KL mua (CP) | 32,742,100 | 481,221 |
| GT mua (tỷ đồng) | 1,296.66 | 23.80 |
| GT bán (tỷ đồng) | 2,761.46 | 24.08 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (1,464.80) | (0.27) |

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|------|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 0.21% | 21.1 | 3.5 | 1.0% |
| Công nghiệp | ↑ 0.54% | 23.5 | 3.3 | 12.9% |
| Dầu khí | ↑ 4.66% | 20.2 | 2.2 | 4.6% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↓ -1.64% | - | 10.9 | 3.1% |
| Dược phẩm và Y tế | ↑ 0.02% | 16.8 | 2.6 | 0.4% |
| Hàng Tiêu dùng | ↓ -0.83% | 19.5 | 3.7 | 10.0% |
| Ngân hàng | ↓ -1.32% | 12.4 | 2.4 | 13.7% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 2.89% | 10.7 | 2.5 | 23.0% |
| Tài chính | ↓ -1.33% | 20.6 | 3.3 | 28.4% |
| Tiền ịch Cộng đồng | ↑ 3.34% | 18.9 | 2.9 | 3.1% |
| VN - Index | ↓ -0.42% | 17.2 | 3.2 | |
| HNX - Index | ↑ 0.50% | 21.6 | 3.8 | |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Sau cuộc đàm phán lần 2 giữa Nga và Ukraine, vẫn chưa có một thỏa thuận chính thức nào đạt được về việc hạ nhiệt căng thẳng hiện tại. Điều này tiếp tục làm cho giá các loại hàng hóa trên thế giới tiếp tục xu hướng tăng khi mà những lo ngại về việc thiếu hụt nguồn cung vẫn còn đó. Các thị trường tài chính tại châu Á trong phiên hôm nay đa phần đều giảm mạnh. Thị trường Việt Nam tích cực hơn khi chỉ giảm nhẹ. Cụ thể, kết thúc phiên hôm nay, chỉ số VN-Index giảm 6,28 điểm (-0,42%) xuống 1.499,05 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng nhẹ về tiêu cực với 207 mã tăng (31 mã tăng trần), 39 mã tham chiếu, 256 mã giảm (4 mã giảm sàn). Nhóm VN30 (-1,06%) tiêu cực hơn so với thị trường chung với 22/30 mã giảm, nhất là nhóm ngân hàng, có thể kể đến TPB (-4,3%), VJC (-3,7%), SAB (-3,4%), ACB (-3,1%), VRE (-2,5%), BID (-2,4%), VHM (-2,2%), HDB (-2,1%), MBB (-2,1%), MSN (-1,9%), CTG (-1,8%), STB (-1,6%), KDH (-1,5%)... tạo ra áp lực điều chỉnh mạnh lên thị trường chung. Rất may là trong bối cảnh này, một số nhóm cổ phiếu được hưởng lợi từ đà tăng của giá nguyên vật liệu đã bật tăng mạnh mẽ để hỗ trợ thị trường. Có thể kể đến nhóm dầu khí với GAS (+5,6%), BSR (+5,7%), PVS (+6,9%), PLX (+3,6%), PVD (+7%), OIL (+8%)... trong bối cảnh giá dầu ngọt nhẹ WTI hiện đã vượt mức 120 USD/thùng. Nhóm hóa chất cũng tiếp tục tăng mạnh với sắc xanh và sắc tím là chủ đạo như DGC (+6,9%), DPM (+7%), DCM (+6,9%), DDV (+11,6%), CSV (+7%), LAS (+9,7%)... Tăng yếu hơn một chút nhưng vẫn rất tích cực là nhóm thép với HPG (+2,6%), NKG (+3,4%), HSG (+4%), TLH (+3,1%), TVN (+3,5%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn đang thể hiện được sức mạnh tương đối của mình nếu so với các thị trường khác trong khu vực cũng như trên thế giới. Thị trường chứng khoán Mỹ đã điều chỉnh từ 10%-20% trên ba chỉ số chính trong khoảng 2 tháng trở lại đây, nhưng các chỉ số chứng khoán Việt Nam gần như đi ngang và chỉ giảm rất nhẹ nếu so với 2 tháng trước đó. Với diễn biến hiện tại, chúng tôi cho rằng nếu tình hình ổn định trở lại thì chứng khoán Việt Nam có thể bật tăng trở lại để hưởng đến những ngưỡng cao mới. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, xu hướng đi ngang có lẽ sẽ tiếp tục chiếm ưu thế. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 8/3, VN-Index có thể sẽ giao dịch giằng co và đi ngang quanh ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Những nhà đầu tư đã mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 như khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và quan sát thị trường.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

7/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc đỏ trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.493,87 điểm. Có thời điểm, lực cầu xuất hiện giúp nâng đỡ chỉ số và thu hẹp mức giảm. Kết phiên, VN-Index giảm 6,28 điểm (-0,42%) xuống 1.499,05 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM giảm 1.700 đồng, BID giảm 1.050 đồng, MSN giảm 3.100 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS tăng 6.600 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 449,64 điểm. Nhưng ngay sau đó, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 454,04 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 2,27 điểm (+0,5%) lên 452,86 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: HUT tăng 2.300 đồng, PVS tăng 2.500 đồng, LAS tăng 2.100 đồng. Ở chiều ngược lại, THD giảm 1.200 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.464,8 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 35,8 triệu cổ phiếu. FUEVFNVD là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 340,1 tỷ đồng tương ứng với 11,9 triệu chứng chỉ quỹ, tiếp theo là NLG với 156,1 tỷ đồng tương ứng với 2,9 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SBT là mã được mua ròng nhiều nhất với 47,9 tỷ đồng tương ứng với 1,9 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 275,81 triệu đồng tương ứng với khối lượng ròng 546 nghìn cổ phiếu. SCI là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 4,5 tỷ đồng tương ứng với 149 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 4 tỷ đồng tương ứng với 103,7 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, IDC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 15,2 tỷ đồng tương ứng với 198 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ trong phiên đầu tuần với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên cuối tuần trước và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy áp lực bán ra đầu phiên là tương đối mạnh nhưng lực cầu bắt đáy vẫn ổn giúp chỉ số không giảm sâu.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên điều chỉnh nhẹ hôm nay (-0,42%) thì chỉ số VN-Index đã đánh mất ngưỡng tâm lý 1.500 điểm nhưng vẫn kết phiên trong vùng hỗ trợ quan trọng 1.490-1.500 điểm (MA20-50) nên xu hướng tăng của thị trường vẫn chưa có gì thay đổi. Tuy nhiên, trong bối cảnh khá phức tạp như hiện tại thì khả năng đi ngang được đánh giá cao hơn.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 8/3, VN-Index có thể sẽ giao dịch giằng co và đi ngang quanh ngưỡng tâm lý 1.500 điểm.

Nếu có những thông tin tiêu cực diễn ra trong tối và đêm nay khiến áp lực bán gia tăng trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ quanh 1.490 (MA50).

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Không kiểm soát tốt giá xăng dầu, khó đạt được kỳ vọng phục hồi nền kinh tế

Trước những diễn biến giá xăng dầu trong nước tăng cao sẽ ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô, đe dọa các nỗ lực phục hồi và phát triển kinh tế, các chuyên gia kinh tế cho rằng đây là điều đáng lo ngại, cần thận trọng trong điều hành vĩ mô.



TIN TRONG NƯỚC

| | |
|---------------------------------|---|
| Giá vàng trong nước tăng | Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 70,6 - 72,6 triệu đồng/lượng, tăng 2.500.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 3.000.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay. |
| Tỷ giá trung tâm tăng | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 7/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.159 VND/USD, tăng 8 đồng so với cuối tuần qua. |

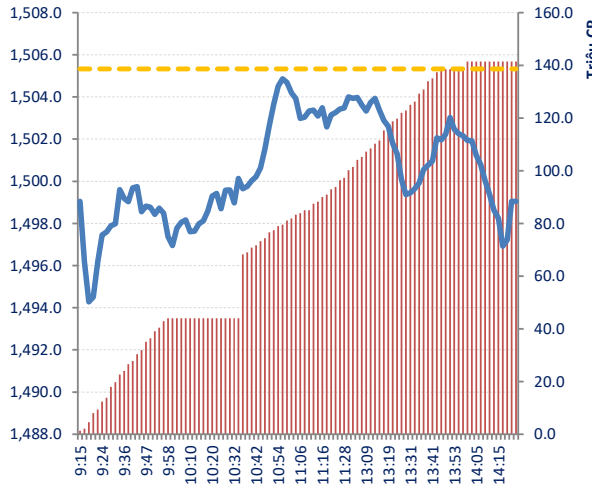
TIN QUỐC TẾ

| | |
|----------------------------------|--|
| Giá vàng thế giới tăng | Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 32,3 USD/ounce tương ứng với 1,64% lên 1.999,1 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng | Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,301 điểm tương ứng 0,31% lên 98,983 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,0870 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3174 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,03 JPY. |
| Giá dầu thế giới tăng | Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 7,99 USD/thùng tương ứng với 6,92% lên 123,67 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ giảm | Kết thúc phiên giao dịch ngày 4/3, Dow Jones tăng giảm 179,86 điểm tương đương 0,53% xuống 33.614,8 điểm. Nasdaq giảm 224,5 điểm tương đương 1,66% xuống 13.313,44 điểm. Nasdaq Composite giảm 34,62 điểm tương đương 0,79% xuống 4.328,87 điểm. |

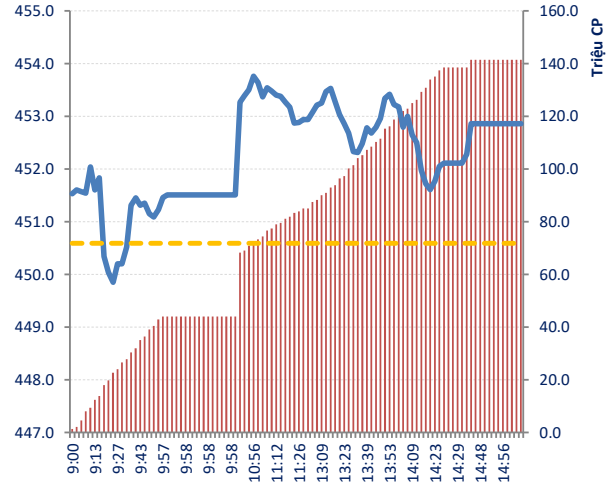


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

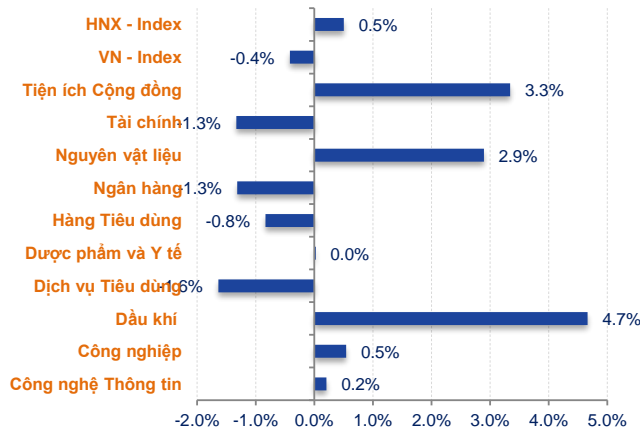
KLGD và VN-Index trong phiên



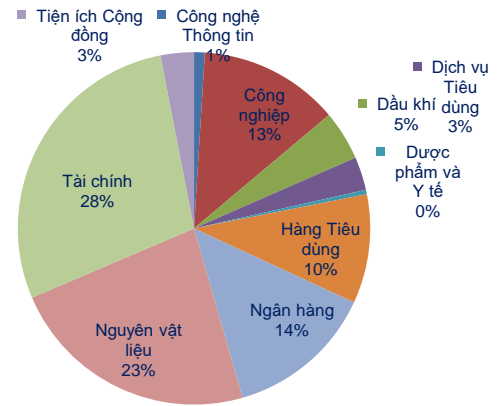
KLGD và HNX-Index trong phiên



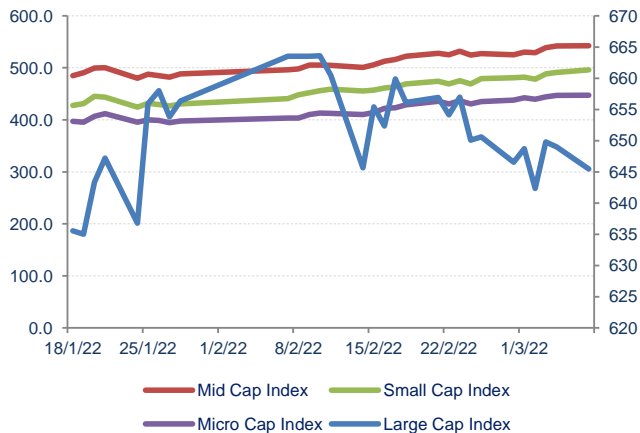
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



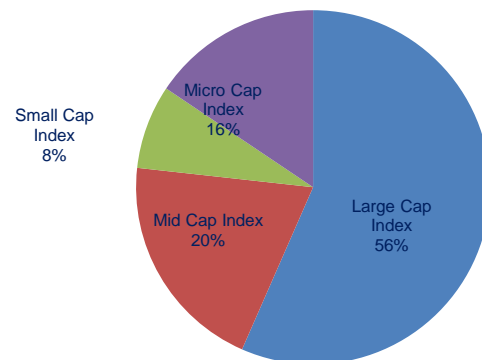
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng | TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|----------|-------------|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | SBT | 1,888,400 | FUEVFVND | 11,942,900 | 1 | IDC | 198,000 | SCI | 149,100 |
| 2 | STB | 803,900 | AAA | 4,802,400 | 2 | PSD | 36,100 | KLF | 110,800 |
| 3 | VPB | 623,500 | HDB | 3,116,500 | 3 | PLC | 36,000 | PVS | 103,700 |
| 4 | GEX | 529,100 | VRE | 2,894,000 | 4 | PRE | 21,600 | PCG | 91,300 |
| 5 | ROS | 416,700 | NLG | 2,853,900 | 5 | KSD | 14,000 | TC6 | 84,200 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|-----|------------|----------|----------|------------|
| HPG | 49.80 | 51.10 | ↑ 2.61% | 39,010,500 | KLF | 6.30 | 6.80 | ↑ 7.94% | 14,540,049 |
| FLC | 13.00 | 13.20 | ↑ 1.54% | 29,803,500 | PVS | 36.10 | 38.60 | ↑ 6.93% | 13,984,168 |
| ROS | 8.30 | 8.63 | ↑ 3.98% | 24,914,900 | CEO | 70.70 | 70.00 | ↓ -0.99% | 4,831,297 |
| HAG | 11.90 | 12.50 | ↑ 5.04% | 21,109,000 | SHS | 44.50 | 43.90 | ↓ -1.35% | 4,437,212 |
| TPB | 40.75 | 39.00 | ↓ -4.29% | 20,674,585 | IDC | 76.60 | 77.30 | ↑ 0.91% | 4,342,350 |

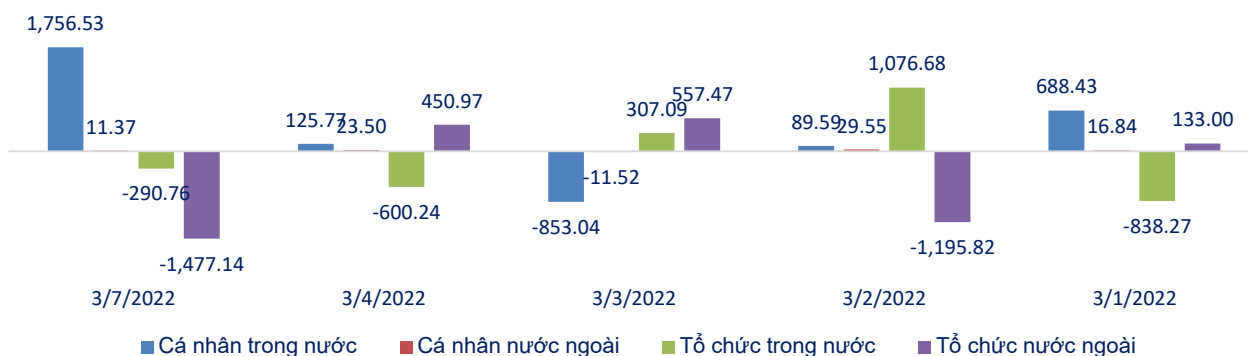
Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|-----|------------|----------|------|----------|
| HU1 | 15.00 | 16.05 | 1.05 | ↑ 7.00% | PDC | 20.00 | 22.00 | 2.00 | ↑ 10.00% |
| TDG | 12.15 | 13.00 | 0.85 | ↑ 7.00% | PHN | 40.00 | 44.00 | 4.00 | ↑ 10.00% |
| HVX | 7.43 | 7.95 | 0.52 | ↑ 7.00% | THT | 18.00 | 19.80 | 1.80 | ↑ 10.00% |
| PVD | 35.10 | 37.55 | 2.45 | ↑ 6.98% | PMP | 33.00 | 36.30 | 3.30 | ↑ 10.00% |
| PSH | 26.50 | 28.35 | 1.85 | ↑ 6.98% | PMB | 22.00 | 24.20 | 2.20 | ↑ 10.00% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|-----|------------|----------|-------|----------|
| YEG | 30.80 | 28.65 | -2.15 | ↓ -6.98% | INC | 15.70 | 14.20 | -1.50 | ↓ -9.55% |
| CCI | 33.00 | 30.70 | -2.30 | ↓ -6.97% | DAE | 27.80 | 25.20 | -2.60 | ↓ -9.35% |
| BTT | 51.00 | 47.45 | -3.55 | ↓ -6.96% | TPP | 12.00 | 11.10 | -0.90 | ↓ -7.50% |
| LEC | 14.00 | 13.05 | -0.95 | ↓ -6.79% | VE3 | 14.00 | 13.00 | -1.00 | ↓ -7.14% |
| CIG | 13.60 | 12.70 | -0.90 | ↓ -6.62% | SDN | 48.00 | 44.60 | -3.40 | ↓ -7.08% |

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| DGC | 273.44 | 45.9% | 13,959 | 12.7 | 5.9 |
| VHM | 181.75 | 35.3% | 9,036 | 8.6 | 2.6 |
| VRE | 127.22 | 4.4% | 578 | 58.3 | 2.5 |
| AAA | 122.32 | 6.0% | 943 | 19.5 | 1.1 |
| VNM | 111.72 | 30.3% | 5,042 | 15.4 | 4.5 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| VPB | -70.42 | 17.0% | 2,662 | 14.3 | 2.0 |
| STB | -55.54 | 10.8% | 1,855 | 17.3 | 1.8 |
| HSG | -47.99 | 47.7% | 8,931 | 4.6 | 1.8 |
| SBT | -47.81 | 9.5% | 1,204 | 20.4 | 1.9 |
| NKG | -26.04 | 50.0% | 10,421 | 4.7 | 1.9 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| HPG | 23.56 | 46.0% | 7,708 | 6.5 | 2.5 |
| KDH | 4.27 | 13.1% | 1,931 | 28.3 | 3.4 |
| PVD | 2.85 | 0.1% | 46 | 769.2 | 1.1 |
| VNM | 2.41 | 30.3% | 5,042 | 15.4 | 4.5 |
| VND | 2.40 | 34.9% | 7,476 | 10.3 | 3.9 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ASM | -4.39 | 8.3% | 1,788 | 10.2 | 0.8 |
| DCM | -4.37 | 27.5% | 3,623 | 11.1 | 2.8 |
| CTG | -3.50 | 15.7% | 2,932 | 11.2 | 1.7 |
| DPM | -3.16 | 32.9% | 7,964 | 7.6 | 2.2 |
| TPB | -2.63 | 22.6% | 3,207 | 12.7 | 1.9 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| FUEVFVND | 339.03 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| NLG | 51.09 | 10.5% | 3,155 | 17.8 | 1.6 |
| GAS | 46.80 | 17.1% | 4,531 | 26.0 | 4.3 |
| VPB | 46.73 | 17.0% | 2,662 | 14.3 | 2.0 |
| VCB | 44.90 | 21.3% | 4,629 | 18.3 | 3.6 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| DGC | -319.73 | 45.9% | 13,959 | 12.7 | 5.9 |
| NBB | -70.57 | 18.2% | 4,126 | 8.2 | 1.8 |
| VIC | -48.65 | -1.9% | (717) | - | 1.9 |
| ACB | -44.38 | 23.9% | 3,554 | 9.7 | 2.1 |
| MSN | -43.61 | 25.4% | 7,269 | 22.2 | 4.5 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| SBT | 47.91 | 9.5% | 1,204 | 20.4 | 1.9 |
| DGC | 46.31 | 45.9% | 13,959 | 12.7 | 5.9 |
| STB | 26.52 | 10.8% | 1,855 | 17.3 | 1.8 |
| VPB | 23.69 | 17.0% | 2,662 | 14.3 | 2.0 |
| GEX | 20.45 | 7.3% | 1,490 | 28.0 | 1.7 |

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| FUEVFVND | -339.47 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| NLG | -155.28 | 10.5% | 3,155 | 17.8 | 1.6 |
| VHM | -140.86 | 35.3% | 9,036 | 8.6 | 2.6 |
| NVL | -100.38 | 8.8% | 1,692 | 45.5 | 3.6 |
| VRE | -95.09 | 4.4% | 578 | 58.3 | 2.5 |



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|-------|-----|
| HPG | 39,010,500 | 46.0% | 7,708 | 6.5 | 2.5 |
| FLC | 29,803,500 | 3250.0% | 119 | 109.3 | 0.9 |
| ROS | 24,914,900 | 1.6% | 168 | 49.5 | 0.8 |
| HAG | 21,109,000 | 2.5% | 199 | 59.9 | 2.4 |
| TPB | 20,674,585 | 22.6% | 3,207 | 12.7 | 1.9 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| KLF | 14,540,049 | 0.4% | 40 | 155.9 | 0.6 |
| PVS | 13,984,168 | 4.7% | 1,260 | 28.7 | 1.4 |
| CEO | 4,831,297 | 2.7% | 362 | 195.3 | 5.1 |
| SHS | 4,437,212 | 30.1% | 5,707 | 7.8 | 2.3 |
| IDC | 4,342,350 | 9.6% | 1,508 | 50.8 | 4.9 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|-------|-----|
| HU1 | ↑ 7.0% | 0.6% | 88 | 171.2 | 1.0 |
| TDG | ↑ 7.0% | 7.6% | 937 | 13.0 | 1.0 |
| HVX | ↑ 7.0% | 0.2% | 22 | 340.1 | 0.7 |
| PVD | ↑ 7.0% | 0.1% | 46 | 769.2 | 1.1 |
| PSH | ↑ 7.0% | 18.5% | 2,524 | 10.5 | 1.9 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| PDC | ↑ 10.0% | -8.4% | (761) | - | 2.3 |
| PHN | ↑ 10.0% | 27.0% | 4,194 | 9.5 | 2.6 |
| THT | ↑ 10.0% | 11.5% | 1,667 | 10.8 | 1.2 |
| PMP | ↑ 10.0% | 10.3% | 1,601 | 20.6 | 2.2 |
| PMB | ↑ 10.0% | 25.5% | 3,200 | 6.9 | 1.6 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| SBT | 1,888,400 | 9.5% | 1,204 | 20.4 | 1.9 |
| STB | 803,900 | 10.8% | 1,855 | 17.3 | 1.8 |
| VPB | 623,500 | 17.0% | 2,662 | 14.3 | 2.0 |
| GEX | 529,100 | 7.3% | 1,490 | 28.0 | 1.7 |
| ROS | 416,700 | 1.6% | 168 | 49.5 | 0.8 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| IDC | 198,000 | 9.6% | 1,508 | 50.8 | 4.9 |
| PSD | 36,100 | 36.8% | 4,712 | 8.9 | 3.0 |
| PLC | 36,000 | 12.0% | 1,940 | 24.5 | 2.8 |
| PRE | 21,600 | 15.9% | 2,002 | 10.0 | 1.6 |
| KSD | 14,000 | 17.3% | 1,600 | 6.0 | 1.0 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 401,791 | 21.3% | 4,629 | 18.3 | 3.6 |
| VHM | 339,205 | 35.3% | 9,036 | 8.6 | 2.6 |
| VIC | 301,301 | -1.9% | (717) | - | 1.9 |
| GAS | 225,846 | 17.1% | 4,531 | 26.0 | 4.3 |
| HPG | 222,752 | 46.0% | 7,708 | 6.5 | 2.5 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| THD | 61,145 | 21.8% | 2,805 | 62.3 | 9.7 |
| KSF | 32,490 | 9.1% | 1,387 | 78.1 | 5.4 |
| IDC | 22,980 | 9.6% | 1,508 | 50.8 | 4.9 |
| CEO | 18,194 | 2.7% | 362 | 195.3 | 5.1 |
| PVS | 17,255 | 4.7% | 1,260 | 28.7 | 1.4 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| DXV | 5.57 | -3.1% | (336) | - | 0.7 |
| KHP | 5.45 | 7.2% | 836 | 20.3 | 1.4 |
| IDI | 5.13 | 4.5% | 600 | 29.2 | 1.3 |
| TNI | 5.12 | -2.8% | (310) | - | 0.8 |
| FLC | 4.83 | 0.7% | 119 | 109.3 | 0.9 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|------|
| PVL | 2.73 | 7.0% | 343 | 40.8 | 2.8 |
| CEO | 2.35 | 2.7% | 362 | 195.3 | 5.1 |
| APS | 2.14 | 62.2% | 9,839 | 3.5 | 2.9 |
| ART | 2.02 | 3.0% | 350 | 31.2 | 0.9 |
| L14 | 2.00 | 39.0% | 8,000 | 47.9 | 13.6 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn